

Số: 18/KH-THCVA

Đức An , ngày 16 tháng 02 năm 2023

KẾ HOẠCH

Thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, thống kê giáo dục trường Tiểu học Chu Văn An năm học 2022 - 2023

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 4 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành điều lệ Trường tiểu học;

Căn cứ công văn 4267/BGDĐT-CNTT, ngày 31 tháng 08 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT và thống kê giáo dục năm học 2022 – 2023;

Căn cứ Quyết định 4275/QĐ-BGDĐT, ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo thường xuyên;

Căn cứ hướng dẫn số 539/PG&ĐT ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đăk Song về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục Tiểu học năm học 2022 – 2023;

Căn cứ công văn số 1470/SGD&ĐT-VP, ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đăk Nông về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2022 – 2023;

Căn cứ công văn số 564/PGD&ĐT, ngày 16 tháng 9 năm 2022 của phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đăk Song về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2022 – 2023;

Căn cứ Kế hoạch số 112/KH-THCVA ngày 20 tháng 09 năm 2022 của trường Tiểu học Chu Văn An về việc thực nhiệm năm học 2022 – 2023 của đơn vị;

Căn cứ công văn số 74/PGDĐT ngày 16 tháng 02 năm 2023 của phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đăk Song về việc triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số và Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên của bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trường Tiểu học Chu Văn An xây dựng Kế hoạch triển khai, thực hiện trong năm học 2022 – 2023 của nhà trường cụ thể như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường về vai trò, vị trí của CNTT, chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin mạng.

Triển khai liên tục, có hiệu quả việc ứng dụng CNTT và chuyển đổi số tạo đột phá trong đổi mới hoạt động GD của nhà trường; tác động tích cực, toàn diện tới phương thức hoạt động, chất lượng, hiệu quả và công bằng trong giáo dục.

2. Yêu cầu

Kế hoạch được xây dựng có lộ trình ứng dụng CNTT trên cơ sở các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của cấp trên.

Kế hoạch phải cụ thể hóa được nhiệm vụ trọng tâm của năm học. Việc tổ chức phải tạo được sự chuyên biến căn bản, đem lại hiệu quả thiết thực trong hoạt động quản lý, dạy và học.

Triển khai từng bước có trọng tâm, trọng điểm, đạt hiệu quả cao trong từng giai đoạn, nhất là trong giai đoạn thích ứng an toàn, linh hoạt và kiểm soát hiệu quả dịch bệnh Covid 19.

II. Thực trạng việc triển khai và thực hiện ứng dụng CNTT, chuyển đổi số của trường Tiểu học Chu Văn An

1. Thực trạng

1.1 Chất lượng nguồn nhân lực thực hiện ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong trường Tiểu học Chu Văn An

Có 01 giáo viên dạy môn tin học, trình độ Đại học công nghệ thông tin kiêm phụ trách công tác CNTT của đơn vị.

100% cán bộ quản lý và giáo viên đều có chứng chỉ tin học cơ bản hoặc tương đương.

1.2 Ứng dụng CNTT trong quản trị trường học và công tác dạy học

a) Nhóm ứng dụng CNTT phục vụ quản lý, điều hành

Tên ứng dụng	Có	Không	Đường link (tên miền)
Trang thông tin điện tử (Website)		x	
Ứng dụng quản trị và lưu trữ nhà trường	1		https://fbot.esoft.edu.vn
Thư điện tử với tên miền riêng của nhà trường (gmail)	2		c1chuvanands@gmail.com chuvanandaksong@gmail.com
Ứng dụng quản lý văn bản điều hành (e office)	1		https://qlvb.daknong.gov.vn
Ứng dụng quản lý thông tin đội ngũ (phần mềm quản lý CB, GV, NV)	1		http://daknong.quanlynhansu.net.vn
Ứng dụng quản lý quá trình học tập, rèn luyện học sinh	1		https://truong.csdl.moet.gov.vn
Ứng dụng hỗ trợ xếp thời khóa biểu		x	
Ứng dụng quản lý tài sản	1		https://qlts.misa.vn
Ứng dụng quản lý tài chính	1		https://sme.misa.vn
Ứng dụng quản lý thư viện	1		http://vietbiblio.vuc.vn
Phần mềm ứng dụng quản lý dùng chung của Ngành	1		https://truong.csdl.moet.gov.vn
Phần mềm phổ cập	1		http://pcgd.moet.gov.vn
Phần mềm kiểm định chất lượng	1		https://xbot.com.vn
Ứng dụng quản lý hồ sơ chuyên môn (Google Drive)	1		chuvanandaksong@gmail.com

Tên ứng dụng	Có	Không	Đường link (tên miền)
Ứng dụng quản lý số liệu học sinh, giáo viên hàng ngày (Google trang tính)	x		chuvanandaksong@gmail.com
Phần mềm trộn đề kiểm tra		x	
Ứng dụng thông tin hai chiều giữa gia đình, nhà trường, khảo sát ý kiến,...(zalo, facebook, Google biểu mẫu,...)	x		- https://chat.zalo.me/?null (CBGV-CNV TRƯỜNG CVA); https://www.facebook.com/people/Trường-tiểu-học-Chu-Văn-An-Đăk-Song-Đăk-Nông
Ứng dụng dịch vụ công	1		https://dvc.vst.mof.gov.vn

b) Nhóm ứng dụng CNTT đổi mới nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá

Tên ứng dụng	Có	Không	Đường link (tên miền)
Ứng dụng soạn bài giảng điện tử	100%		authoring tools https://avinasolutions.com
Ứng dụng học tập trực tuyến(Google meet, zoom)	100%		Google meet https://meet.google.com/?hs=197&pli=1&authuser=0 zoom: https://support.zoom.us/hc/vi-vn/articles/201362193-Tham-gia-cu%E1%BB%99c-h%E1%BB%8Dp-Zoom
Kho tài liệu, học liệu điện tử	có		hoclieu.vn; olm.vn
Phần mềm trộn đề kiểm tra		x	
Phần mềm quản lý hoạt động dạy-học, kiểm tra, đánh giá		x	

c) Trang thiết bị CNTT và hạ tầng mạng

Trang thiết bị CNTT và hạ tầng mạng	Có	Không
Kết nối mạng Internet	03 đường truyền	
Phòng máy tính	01 phòng/21 máy	
Phòng đa năng với thiết bị ứng dụng CNTT		x
Ti vi	12	
Bảng tương tác thông minh		x
Máy chiếu	02	
Máy tính văn phòng	02 máy bàn, 03 laptop	
Hệ thống giám sát.		x

Tổng số phần mềm và ứng dụng đang sử dụng: 19

Tổng số phần mềm và ứng dụng cần được trang bị nhưng còn thiếu: 05

Tổng số trang thiết bị CNTT và hạ tầng đã có: 23

Tổng số trang thiết bị CNTT và hạ tầng còn thiếu cần bổ sung: 03

1.3 Mức độ chuyển đổi số của trường Tiểu học Chu Văn An theo Bộ chỉ số ban hành kèm theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Đơn vị tự đánh giá, chấm điểm	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
1.	Chuyển đổi số trong dạy, học	100			32		
1.1.	Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hằng năm)				có	Đạt	Điều kiện bắt buộc
1.2.	Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến				có	Đạt	Điều kiện bắt buộc
1.3.	Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến:	30	<i>Tối đa 6 điểm</i>	Mức độ 1: dưới 10 điểm; Mức độ 2: từ 10 - 20 điểm; Mức độ 3: trên 20 điểm	6	Đạt mức độ 1	Google meet https://meet.google.com/?hs=197&pli=1&authuser=0
	- Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp (ghi tên)		0				
	- Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) (cung cấp thông tin: Tên giải pháp, tự xây dựng/thuê/mua).		0				
	- Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng:		0				
	(1) Giáo viên giao bài cho học sinh tự học;		0				
	(2) Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh;		0				
	(3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên;		0				
(4) Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh.	0						
1.4.	Số lượng học liệu được số hóa (đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt).	10	<i>- Ít hơn 20 học liệu: tối đa 3 điểm.</i>	Mức độ 1: dưới 4 điểm; Mức độ 2: từ 4 - 6 điểm; Mức độ 3: trên 7 điểm	0	Không đạt	Đường link và số lượng học liệu (nếu có)
			<i>- Ít hơn 40 học liệu: tối đa 6 điểm.</i>		0		
			<i>- Nhiều hơn 40 học liệu: tối đa 10 điểm</i>		0		
1.5.	Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính; có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN (cung cấp thông tin: tên giải pháp phần mềm)	20	<i>Tối đa 15 điểm</i>	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm	0	Không đạt	Quy chế /Kế hoạch /văn bản triển khai (nếu có)

	Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường		<i>Tối đa 5 điểm</i>	Mức độ 3: trên 14 điểm	0		
1.6.	Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số:	20			16	Đạt mức độ 3	
	- 100% giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu		<i>< 30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; > 60%: tối đa 7 điểm</i>		7		
	- 100% giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học		<i>< 30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; > 60%: tối đa 7 điểm</i>	Mức độ 1: dưới 8 điểm; Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm; Mức độ 3: trên 14 điểm	7		
	- 10% giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử		<i>< 30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; > 60%: tối đa 6 điểm</i>		2		
1.7.	Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học:	20	<i>< 20%: tối đa 2 điểm;</i>		10	Đạt mức độ 2	
	- 53% phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học		<i>20%-60%: tối đa 5 điểm; > 60%: tối đa 8 điểm</i>	Mức độ 1: dưới 8 điểm; Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm; Mức độ 3: trên 14 điểm	5		
	- Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học[1]: 2 - 3 em/1 máy (01 phòng 21 máy, 04 máy đã hỏng).		<i>Mức độ 1: tối đa 2 điểm; Mức độ 2: tối đa 5 điểm; Mức độ 3: tối đa 7 điểm</i>		5		
	- Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử)		<i>Tối đa 5 điểm</i>		0		

2.	Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	100			58		
2.1.	Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (thông tin: Họ tên, chức vụ, email, điện thoại)				có		Điều kiện bắt buộc
2.2.	Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số				có		Điều kiện bắt buộc
2.3.	Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường (cung cấp thông tin: tên giải pháp, tự xây dựng/mua/thuê):	70		Mức độ 1: dưới 20 điểm; Mức độ 2: từ 20-50 điểm; Mức độ 3: trên 50 điểm	50	Đạt mức độ 2	Hệ thống quản trị và lưu trữ nhà trường fbot: https://fbot.esoft.edu.vn . Quyết định số 11/QĐ-CVA ngày 15/02/2023 .
	- Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường		Tối đa 6 điểm		6		
	- Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập)		Tối đa 6 điểm		6		
	- Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử				0		
	- Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV		Tối đa 6 điểm		6		
	- Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất		Tối đa 10 điểm		10		
	- Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh		Tối đa 10 điểm		10		
	- Có triển khai phân hệ quản lý kế toán		Tối đa 6 điểm		6		
	- Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý)		Tối đa 6 điểm		6		
2.4.	Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến:	30		Mức độ 1: dưới 10 điểm; Mức độ 2: từ 10-18 điểm; Mức độ 3: trên 18 điểm	8	Đạt mức độ 1	Đường link/ Quy chế/ Văn bản
	- Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng web)		Tối đa 8 điểm		8		
	- Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến:		Tối đa 12 điểm		0		
	- Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt		Tối đa 10 điểm		0		

2. Đánh giá chung về tình hình thực hiện ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong trường Tiểu học Chu Văn An

2.1 Ưu điểm

Đội ngũ giáo viên, nhân viên của trường có trình độ chuyên môn đạt chuẩn theo yêu cầu và không ngừng chủ động tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực CNTT.

Cơ sở hạ tầng CNTT&TT của Trường từng bước đầu tư, hiện nhà trường có 01 phòng Tin học với 21 máy vi tính đang sử dụng; 05 máy dành cho công tác của quản lí, hành chính, có internet phục vụ quản lý, dạy học.

Nhà trường đã và đang triển khai ứng dụng một số phần mềm quản trị và dạy học theo nhu cầu để tổ chức các hoạt động quản lý, dạy học.

Có nhiều văn bản pháp lí, hướng dẫn việc ứng dụng CNTT&TT trong trường học, tạo điều kiện cho trường trong triển khai thực hiện.

Phần lớn phụ huynh rất quan tâm đối với hoạt động học tập của học sinh, đặc biệt là đầu tư các thiết bị CNTT trong học tập, từ đó học sinh đã tiếp cận, khai thác các nguồn thông tin phục vụ học tập, nâng cao kỹ năng sử dụng CNTT.

Nhóm tiêu chí "Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục" đạt 58/100 điểm đạt mức độ 2 – mức đáp ứng cơ bản để thực hiện chuyển đổi số theo quy định.

2.2 Hạn chế

Nhân sự phụ trách CNTT của trường là giáo viên Tin học kiêm nhiệm, không có nhiều thời gian hỗ trợ hiệu quả hoạt động ứng dụng CNTT của trường.

Chất lượng nguồn nhân lực không đều, một số cá nhân còn hạn chế trong việc sử dụng các thiết bị điện tử thông minh phục vụ cho công tác dạy học.

Có 21/25 máy tính còn sử dụng được nhưng hệ điều hành đã cũ, cấu hình không đảm bảo để nâng cấp.

Số thiết bị thông minh (ti vi, máy chiếu,..) chưa đảm bảo cho tất cả các lớp, chưa có bảng tương tác thông minh, hệ thống thiết bị giám sát.

Nguồn kinh phí đầu tư cho ứng dụng CNTT&TT hạn chế (ngân sách và xã hội hóa).

Tốc độ đường truyền internet thấp chưa đáp ứng các hoạt động ứng dụng CNTT-TT.

Nhóm tiêu chí "Chuyển đổi số trong dạy, học" đạt 32/100 điểm đạt mức 1- mức chưa đáp ứng để thực hiện chuyển đổi số theo quy định.

III. Nhiệm vụ trọng tâm

1. Nội dung các nhiệm vụ

Ứng dụng và phát triển CNTT gắn liền với công tác cải cách hành chính nhằm tăng tính hiệu quả và năng suất trong công việc, giảm chi phí và thời gian hoàn thành công việc.

Tăng cường thông tin kết nối giữa nhà trường với các cấp quản lý và với giáo viên tạo nên hệ thống liên kết thống nhất trong chỉ đạo và điều hành.

Đảm bảo an toàn thông tin, và an toàn dữ liệu khi kết nối Internet.

Đầu tư hạ tầng cơ sở vật chất để nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT vào công tác quản lý, công tác dạy và học.

Nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên về tầm quan trọng của CNTT trong giai đoạn phát triển hiện nay.

Tăng cường các nguồn lực của nhà nước và xã hội, nâng cao chất lượng nhân lực, đảm bảo các điều kiện về hạ tầng, cơ sở vật chất và trang thiết bị triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số.

2. Mục tiêu thực hiện

Đưa nhóm tiêu chí "Chuyển đổi số trong dạy, học" đạt mức 2 – mức đáp ứng cơ bản để thực hiện chuyển đổi số theo quy định.

Xây dựng và hoàn thiện thư viện điện tử, cổng thư viện số kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ học liệu của ngành.

Bổ sung ít nhất 02/05 phần mềm và ứng dụng cần được trang bị nhưng còn thiếu; 01/03 trang thiết bị CNTT và hạ tầng còn thiếu cần bổ sung.

Có đầy đủ máy tính phục vụ việc dạy môn Tin học và phục vụ quản lý.

Thực hiện nâng cấp đường truyền Internet tốc độ cao

Trên 60% giáo viên và nhân viên có khả năng ứng dụng tin học nâng cao và khoảng 40% còn lại đạt mức ứng dụng cơ bản có thể thực hiện tốt nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thống kê trong giáo dục.

II. Nhiệm vụ cụ thể

1. Quán triệt các văn bản chỉ đạo trọng tâm về CNTT

1.1 Nội dung

Truyền tải nội dung, nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh về ý nghĩa, vai trò, trách nhiệm trong việc tham gia thực hiện ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục cũng như trong toàn hệ thống chính trị.

Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng;

Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030. Trong đó Chính phủ giao Bộ GDĐT rà soát, làm rõ nội dung quản lý nhà nước về cung cấp dịch vụ giáo dục; đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực GDĐT;

Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 7/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 -2020, định hướng đến 2025;

Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trong đó GDĐT là 1/8 lĩnh vực ưu tiên, Thủ tướng Chính phủ giao các Bộ, ngành nói chung và Bộ GDĐT nói riêng xây dựng kế hoạch chuyển đổi số;

Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và hỗ trợ các hoạt động dạy-học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025”, trong đó có định hướng đến năm 2025, tiếp tục phát huy kết quả đạt được, khắc phục những hạn chế, tồn tại trong quá trình triển khai;

Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”;

Thông tư số 08/2010/TT-BGDĐT ngày 01/03/2010 quy định về sử dụng phần

mềm tự do nguồn mở trong các cơ sở giáo dục;

Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 quy định về Điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

Thông tư số 35/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 quy định về quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

Thông tư số 21/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động bồi dưỡng, tập huấn qua mạng Internet cho giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý giáo dục;

Thông tư số 19/2017/TT-BGDĐT ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành giáo dục;

Thông tư số 24/2018/TT-BGDĐT ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chế độ báo cáo thống kê ngành giáo dục;

Thông tư số 37/2020/TT-BGDĐT ngày 05/10/2020 Quy định về tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và cổng thông tin điện tử tại sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo và các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/03/2021 quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên;

Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 Quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo;

Văn bản số 5807/BGDĐT-CNTT ngày 21/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn triển khai mô hình ứng dụng CNTT trong trường phổ thông;

Quyết định số 4998/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định kỹ thuật về dữ liệu của cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo.

Công văn 4267/BGDĐT-CNTT, ngày 31 tháng 08 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT và thống kê giáo dục năm học 2022 – 2023;

Quyết định 4275/QĐ-BGDĐT, ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Công văn số 1470/SGD&ĐT-VP, ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2022 – 2023;

Căn cứ công văn số 564/PGD&ĐT, ngày 16 tháng 9 năm 2022 của phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đắk Song về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2022 – 2023.

1.2 Hình thức

Tổ chức các hoạt động tuyên truyền lồng ghép thông qua hội nghị, hội thảo, tọa

đàm, qua hoạt động chính trị, chuyên môn phù hợp với từng đối tượng, điều kiện thực tiễn của nhà trường và tình hình của địa phương. Khuyến khích triển khai bằng hình thức truyền thông trực tuyến, online, trên các nền tảng số.

1.3 Chịu trách nhiệm thực hiện

Các cá nhân đứng đầu những tổ chức, đoàn thể trong nhà trường chịu trách nhiệm triển khai nội dung các văn bản pháp lý liên quan đến ứng dụng CNTT, chuyển đổi số đến từng thành viên do mình quản lý và phụ trách. Đảm bảo hiệu quả và phù hợp với từng đối tượng.

Mỗi cán bộ, viên chức, học sinh có kế hoạch và thực hiện tự nghiên cứu tài liệu, đảm bảo nắm được nội dung cơ bản có liên quan đến nhiệm vụ, vị trí của mình trong thực hiện ứng dụng CNTT, chuyển đổi số.

2. Tiếp tục duy trì, triển khai hình thức dạy học trực tuyến kết hợp dạy học trực tiếp nhằm hỗ trợ nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học và đổi mới phương pháp dạy học

Cán bộ phụ trách chuyên môn của nhà trường chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch, quy chế tổ chức dạy trực tuyến quy định tại Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/03/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo phù hợp với điều kiện của nhà trường nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả và đổi mới phương pháp dạy học ngay cả trong điều kiện học sinh đến lớp bình thường.

Sử dụng tối đa lợi ích của phần mềm quản lý dạy học trong kết nối và tổ chức các hoạt động giáo dục giữa nhà trường, giáo viên với học sinh trong việc hướng dẫn học sinh tự học, kiểm tra đánh giá và phối hợp với gia đình. Có lộ trình kết nối, tích hợp, trao đổi dữ liệu giữa phần mềm dạy học trực tuyến với phần mềm quản trị của nhà trường.

Tiếp tục phát triển học liệu số bảo đảm chất lượng: Huy động giáo viên tham gia đóng góp học liệu số để chia sẻ dùng chung, phát huy vai trò của tổ chuyên môn trong đánh giá, lựa chọn học liệu số trước khi đưa vào sử dụng. Hướng dẫn giáo viên tham khảo các học liệu số từ kho học liệu số dùng chung của ngành và các nguồn tài nguyên tin cậy trên internet.

Tăng cường tổ chức đánh giá thường xuyên bằng hình thức trực tuyến, từng bước tổ chức kiểm tra, đánh giá trên máy tính đảm bảo khách quan, công bằng và có độ tin cậy.

Triển khai hiệu quả hệ thống thư viện điện tử (bao gồm phần mềm quản trị thư viện và cơ sở dữ liệu số hóa sách và tài nguyên phục vụ dạy học), kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ tài nguyên số hóa giữa cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên và nhân viên.

2. Tiếp tục triển khai phần mềm quản trị trong đơn vị, kết nối liên thông với trực với trực liên thông dữ liệu của cấp trên

Tiếp tục triển khai, thực hiện ứng dụng quản trị và lưu trữ nhà trường tích hợp không gian làm việc số <https://fbot.esoft.edu.vn> có hiệu quả, đảm bảo chỉ tiêu về dữ liệu "đúng, đủ, sạch, sống" (Dữ liệu sạch là dữ liệu nhất quán, không bị đúp bản và sẵn

sàng để máy sử dụng được; Dữ liệu sống là dữ liệu được duy trì, bổ sung, cập nhật thường xuyên những biến động hằng ngày, hằng giờ).

Chuyên môn xây dựng kế hoạch tham mưu nhà trường triển khai thực hiện hệ thống quản lý học tập trực tuyến, ứng dụng hồ sơ điện tử trong đơn vị (sổ điểm điện tử, học bạ điện tử, ứng dụng kết nối trao đổi thông tin giữa phụ huynh và nhà trường trên nền tảng số). Khuyến khích áp dụng các giải pháp miễn phí như tin nhắn OTT, email, ... ứng dụng trên thiết bị di động.

3. Tiếp tục mở rộng, hoàn thiện CSDL về giáo dục cung cấp thông tin quản lý đầy đủ, chính xác và kịp thời

Chuyên môn chịu trách nhiệm chỉ đạo trực tiếp giáo viên, nhân viên được phân công cập nhật dữ liệu do mình phụ trách lên CSDL ngành <https://truong.csdl.moet.gov.vn>. Đảm bảo dữ liệu được cập nhật liên tục, đầy đủ. Dữ liệu phải đáp ứng được các chỉ tiêu "đúng, đủ, sạch, sống" phục vụ cho công tác quản lý, điều hành, dự báo, báo cáo, ... và phục vụ cho các kỳ thi của các cấp tổ chức.

Việc xây dựng CSDL về giáo dục phải tuân thủ các quy định của Thông tư 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 quy định về CSDL Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 4998/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2021 ban hành Quy định kỹ thuật về dữ liệu của CSDL Giáo dục và Đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tổ chức thực hiện báo cáo thống kê giáo dục định kỳ (kỳ đầu năm học, kỳ cuối năm học) đúng thời hạn, đầy đủ, chính xác theo quy định tại Thông tư số 24/2018/TT-BGDĐT ngày 28/09/2018 về chế độ báo cáo thống kê ngành giáo dục và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cấp trên.

4. Đẩy mạnh triển khai hiệu quả dịch vụ công trực tuyến trong giáo dục

Tiếp tục triển khai có hiệu quả các dịch vụ công trực tuyến trong ngành giáo dục, ưu tiên một số dịch vụ như:

Truyền nhận và gửi văn bản trên cổng thông tin điện tử và các khai báo, hóa đơn tài chính về kế toán...

Việc tuyển sinh, chuyển trường đạt mức độ tối thiểu.

5. Đẩy mạnh triển khai thanh toán không dùng tiền mặt

Bộ phận tài chính tham mưu nhà trường lựa chọn hình thức thanh toán các khoản thu - chi bằng hình thức trực tuyến không dùng tiền mặt, kết nối phần mềm quản lý tài chính của nhà trường với các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt. Trong đó ưu tiên những hình thức, ứng dụng, phần mềm miễn phí.

6. Triển khai thực hiện Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông

Hàng năm chủ trì triển khai tổ chức tự đánh giá mức độ chuyển đổi số của nhà trường theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

Báo cáo kết quả tự đánh giá và cung cấp thông tin, minh chứng phục vụ việc đánh giá mức độ chuyển đổi số về phòng Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

III. Một số giải pháp cơ bản

1. Kiện toàn tổ chức bộ phận phụ trách CNTT, chuyển đổi số, công tác thống kê giáo dục và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu của kế hoạch chuyển đổi số ngành

Phân công đồng chí Vũ Thị Minh Thảo, Huỳnh Thị Thanh, đồng chí Nguyễn Thị Liễu phụ trách, kiêm nhiệm nhiệm vụ CNTT làm đầu mối triển khai nhiệm vụ CNTT và công tác thống kê giáo dục.

Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng bằng hình thức kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến cho 100% đội ngũ về kỹ năng sử dụng các phần mềm dạy học được nhà trường triển khai cũng như cách khai thác, chia sẻ thông tin trên internet

Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực số cho giáo viên, nhân viên và học sinh khi có chỉ đạo của cấp có thẩm quyền. Xem xét lựa chọn các nội dung phù hợp về kỹ năng tổ chức, quản lý các hoạt động dạy học kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, kỹ năng thiết kế bài giảng, video bài giảng, thiết bị dạy học số, kỹ năng quản lý triển khai có hiệu quả các phần mềm quản trị trong đơn vị. Nâng cao nhận thức và kỹ năng an toàn thông tin.

2. Xây dựng kế hoạch tăng cường CNTT và chuyển đổi số giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2030 trong đơn vị

Xây dựng mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể triển khai trong từng năm học.

Tăng cường các nguồn lực đầu tư cho ứng dụng CNTT và chuyển đổi số.

Phối hợp có hiệu quả việc đầu tư với thuê dịch vụ CNTT.

3. Đảm bảo nguồn lực triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số giáo dục

Rà soát và có kế hoạch mua sắm bổ sung, duy trì, nâng cấp trang thiết bị đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, tổ chức dạy học môn tin học, tổ chức dạy học trực tuyến và làm việc trực tuyến. Đảm bảo kết nối cáp quang internet, dịch vụ internet không dây trong đơn vị. Đảm bảo đủ thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy học.

Có biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin đối với các hệ thống CNTT. Thường xuyên rà soát, khắc phục các nguy cơ mất an toàn an ninh thông tin. Đẩy mạnh tuyên truyền tới toàn thể cán bộ, giáo viên và học sinh kỹ năng nhận biết, phòng tránh các nguy cơ mất an toàn thông tin khi sử dụng các phần mềm trực tuyến và thiết bị cá nhân như điện thoại thông minh, máy tính bảng, máy tính cá nhân. Trang bị các phần mềm phòng chống diệt virus có bản quyền. Tuyệt đối đảm bảo an toàn, an ninh dữ liệu của hệ thống CSDL giáo dục.

4. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền

Sử dụng các hình thức tuyên truyền đa dạng, phù hợp với điều kiện của nhà trường nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh về vai trò ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các hoạt động giáo dục và các kết quả ứng dụng CNTT đã đạt được.

Triển khai các hoạt động hưởng ứng ngày chuyển đổi số quốc gia ngày 10 tháng 10 hàng năm.

5. Tăng cường công tác tự kiểm tra, đánh giá việc chuẩn bị các điều kiện đảm bảo về nhân lực, cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị và việc triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, công tác thống kê trong giáo dục

Tổ chức tự đánh giá theo Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên, ban hành kèm theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022.

Làm căn cứ để xây dựng kế hoạch bổ sung các chỉ số còn thiếu, chưa đạt trong thời gian tiếp theo.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cán bộ phụ trách kiêm nhiệm CNTT

Theo chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực được giao, triển khai, bám sát, hỗ trợ, hướng dẫn các tổ chuyên môn, văn phòng thực hiện tốt các nội dung thực hiện nhiệm vụ CNTT, chuyển đổi số năm học 2022 - 2023.

Triển khai các hoạt động ứng dụng CNTT do phòng GD&ĐT hướng dẫn đến các tổ chuyên môn, tổ Văn phòng và cán bộ, giáo viên, nhân viên.

2. Các tổ chuyên môn và tổ Văn phòng

Căn cứ các nội dung trong Kế hoạch, các tổ chuyên môn và tổ Văn phòng chủ động thực hiện.

3. Chế độ thông tin báo cáo

Báo cáo kết quả tự đánh giá và cung cấp thông tin, minh chứng phục vụ việc đánh giá mức độ chuyển đổi số về phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đắk Song theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2022 - 2023 của trường Tiểu học Chu Văn An. Các tổ chuyên môn, tổ Văn phòng và cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện nghiêm túc, đầy đủ đúng quy định. Chịu trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin và tài liệu thuộc lĩnh vực mình phụ trách khi có yêu cầu./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (để b/c);
- BCĐ (để c/đ);
- CBGV, NV (th/h);
- Lưu: VT.



Nguyễn Thị Hương